

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ CỬ NHÂN**  
**NGÀNH BẢO HIỂM**

*(Ban hành theo Quyết định số 1345/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO /EDUCATION PROGRAMME:	CỬ NHÂN BẢO HIỂM /BACHELOR OF INSURANCE
MÃ NGÀNH/CODE:	7340204
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO /TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY (TẬP TRUNG) /FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO TIÊU CHUẨN /STANDARD DURATION TIME:	4 NĂM /4 YEARS
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN /MANAGED BY:	KHOA BẢO HIỂM /FACULTY OF INSURANCE

**1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP**

**1.1. Mục tiêu đào tạo**

**- Mục tiêu tổng quát:**

Chương trình đào tạo ngành Bảo hiểm nhằm đào tạo cử nhân Bảo hiểm có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức rộng, đồng bộ và hệ thống về (i) kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và tài chính; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về bảo hiểm: (ii) các nguyên lý bảo hiểm, (iii) các loại hình bảo hiểm, (iv) tổ chức và quy trình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm. Đồng thời, còn trang bị cho người học các kỹ năng và thái độ cần thiết để: phát triển năng lực tổng hợp, phân tích, đánh giá, lập kế hoạch và triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách, các hoạt động bảo hiểm ở trong và ngoài nước; có khả năng tư duy độc lập, chủ động, linh hoạt và thích nghi với sự thay đổi của môi trường trong bối cảnh toàn cầu hoá; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức, nghiên cứu ở các bậc cao hơn để trở thành chuyên gia hay nhà quản lý trong lĩnh vực bảo hiểm và các lĩnh vực liên quan. Từ đó, người học có thể đáp ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu:

chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm.

**- Mục tiêu cụ thể:**

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
PG1	Về kiến thức: Có đủ kiến thức ngành và kiến thức nền tảng rộng để phân tích, đánh giá, quản lý và tổ chức thực hiện các công việc của các lĩnh vực bảo hiểm trong bối cảnh toàn cầu hoá	CTĐT trình độ đại học ngành Bảo hiểm hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Bảo hiểm có kiến thức rộng, đồng bộ và hệ thống về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và tài chính; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các nguyên lý bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm, tổ chức và quy trình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm; có khả năng tổng hợp, phân tích, dự báo, hoạch định, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá các loại hình bảo hiểm, hoạt động, quy trình bảo hiểm của các tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm ở trong, ngoài nước trong bối cảnh hội nhập và CMCN 4.0.
PG2	Về kỹ năng: Có khả năng thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt và giải quyết vấn đề tại nơi làm việc; có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện. Có thể đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Anh. Sử dụng máy tính thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ văn phòng và chuyên môn trong các lĩnh vực bảo hiểm.	Có thể giao tiếp chuyên môn bằng cả văn bản và giao tiếp thông thường. Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng phối hợp, thích ứng nhanh trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá. Có khả năng phân tích tổng hợp và tư duy hệ thống các vấn đề liên quan trong lĩnh vực bảo hiểm; Hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực bảo hiểm. Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc. Có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên môn bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và sử dụng được một vài phần mềm chuyên dụng như SPSS, Stata hay Eviews...
PG3	Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm để làm việc độc lập hoặc tham gia các hoạt động nhóm để thực hiện các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định hướng chung.	Chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong công việc, tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm, có khả năng phối hợp, thích ứng nhanh trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá Có khả năng làm việc độc lập, có chính kiến và nhận thức chính trị đúng đắn; biết lắng nghe và có tư duy phản biện, phê phán. Có đủ sức khoẻ để thực hiện các công việc chuyên môn và chịu được áp lực công việc Có đủ năng lực tự học tập, tự nghiên cứu bồi

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
		<p>dưỡng để nâng cao trình độ và có khả năng phát triển bản thân trở thành công dân toàn cầu</p> <p>Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương; tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước.</p> <p>Có thái độ chuyên nghiệp, tự tin; có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm cá nhân trong các công việc; có trách nhiệm phục vụ nhân dân và cộng đồng.</p> <p>Tổ chức, đánh giá, giám sát và truyền cảm hứng cho các thành viên trong nhóm.</p>

## 1.2. Về nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

Cử nhân đại học ngành Bảo hiểm có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm như: Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp; các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, doanh nghiệp giám định bảo hiểm ở trong và ngoài nước trong môi trường thực và môi trường ứng dụng công nghệ thông tin.

Cử nhân đại học ngành Bảo hiểm sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong ngành Bảo hiểm.

Cử nhân đại học ngành Bảo hiểm nếu tiếp tục con đường học tập, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên tại các Viện; Trường Đại học, Cao đẳng.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mức độ
	<b>PLO1</b>	<b>KIẾN THỨC</b>	
	<i>PLO1.1</i>	<i>Kiến thức đại cương về chính trị, xã hội và luật pháp</i>	
1	PLO1.1.1	Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu các môn học khác, vận dụng vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn	2/5
2	PLO1.1.2	Có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, để từ đó lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng đó trong đời sống thực tiễn và thực thi các nhiệm vụ được giao	2/5

3	PLO1.1.3	Có hiểu biết về Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam để vận dụng và thực hành trong các hoạt động của nền kinh tế	2/5
	<b>PLO 1.2</b>	<b>Kiến thức chung của lĩnh vực kinh tế</b>	
4	PLO1.2.1	Sinh viên hiểu và vận dụng các lý thuyết nền tảng về toán kinh tế và kinh tế học vào giải thích và phân tích các hoạt động của nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô	3/5
	<b>PLO 1.3</b>	<b>Kiến thức chung của nhóm ngành</b>	
5	PLO1.3.1	Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc thống kê, hạch toán kế toán và lý thuyết tài chính tiền tệ để giải thích và phân tích các hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vi mô và vĩ mô	3/5
6	PLO1.3.2	Hiểu rõ về khoa học quản lý, quản trị kinh doanh trong việc điều hành và giải quyết các mối quan hệ kinh tế - xã hội	3/5
	<b>PLO 1.4</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	
7	PLO1.4.1	Sinh viên có kiến thức về tài chính, ngân hàng, quản trị rủi ro để phân tích và giải quyết được các vấn đề trong hoạt động của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính, bảo hiểm nói riêng	3/5
8	PLO1.4.2	Hiểu về nguyên lý bảo hiểm, lý thuyết xác suất và các phương pháp thống kê, từ đó giải quyết được các vấn đề căn bản trong bảo hiểm và các lĩnh vực có liên quan	3/5
	<b>PLO 1.5</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>	
9	PLO1.5.1	Nắm chắc kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về các loại hình bảo hiểm; nội dung, quy trình triển khai và quản lý của từng loại hình bảo hiểm; từ đó có thể triển khai, phân tích, theo dõi đánh giá các loại hình bảo hiểm	4/5
10	PLO1.5.2	Hiểu và vận dụng các lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về quản trị/quản lý điều hành các hoạt động chuyên môn trong bảo hiểm; từ đó có thể phân tích, theo dõi giám sát các quy trình liên quan đến các hoạt động này	4/5
11	PLO1.5.3	Hiểu và vận dụng các lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về quản trị/quản lý điều hành các hoạt động chung của tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm; từ đó có thể hoạch định chính sách và chiến lược phát triển, tổ chức bộ máy của tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm để đạt được mục tiêu	4/5
	<b>PLO 2</b>	<b>KỸ NĂNG</b>	
	<b>PLO 2.1</b>	<b>Kỹ năng chung</b>	
12	PLO2.1.1	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong công việc (giao tiếp xã hội, truyền đạt, phổ biến kiến thức, đàm phán và thuyết phục ...); có kỹ năng trình bày chuyên nghiệp các vấn đề chuyên môn bằng văn bản và thuyết trình	4/5
13	PLO2.1.2	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; có khả năng hỗ trợ, phối	3/5

		hợp, thúc đẩy các thành viên trong nhóm, tổ chức và lãnh đạo nhóm để đạt được mục tiêu	
	<b>PLO 2.2</b>	<b>Kỹ năng chuyên môn</b>	
14	PLO2.2.1	Sinh viên có kỹ năng phân tích tổng hợp và tư duy hệ thống (thu thập thông tin, nhận dạng vấn đề, phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống) để có thể tham mưu và tự tổ chức quản lý hoạt động bảo hiểm	4/5
15	PLO2.2.2	Sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch, xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý các nguồn lực, theo dõi đánh giá và cải tiến các hoạt động bảo hiểm	3/5
	<b>PLO 2.3</b>	<b>Kỹ năng hỗ trợ</b>	
16	PLO2.3.1	Sinh viên có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC/IELTS/TOEFL với số điểm tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc	3/5
17	PLO2.3.2	Sinh viên đạt chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn	4/5
	<b>PLO 3</b>	<b>NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM</b>	
	<b>PLO 3.1</b>	<b>Năng lực tự chủ</b>	
18	PLO3.1.1	Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong công việc, tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm, có khả năng phối hợp, thích ứng nhanh trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá	4/5
19	PLO3.1.2	Có khả năng làm việc độc lập, có tư duy độc lập, có chính kiến và nhận thức chính trị đúng đắn; biết lắng nghe và có tư duy phản biện, phê phán	3/5
20	PLO3.1.3	Có đủ sức khoẻ để thực hiện các công việc chuyên môn và chịu được áp lực công việc	3/5
21	PLO3.1.4	Có đủ năng lực tự học tập, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc luôn biến động	4/5
	<b>PLO3.2</b>	<b>Năng lực tự chịu trách nhiệm</b>	
22	PLO3.2.1	Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương; có hiểu biết, tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước; có ý thức phục vụ nhân dân và cộng đồng, trách nhiệm giữ gìn an ninh quốc phòng	4/5

23	PLO3.2.2	Có thái độ chuyên nghiệp, tự tin, hợp tác trong giải quyết công việc; có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm cá nhân trong các công việc; chịu trách nhiệm cá nhân trước nhóm, cộng đồng, xã hội	4/5
24	PLO3.2.3	Tổ chức, đánh giá, giám sát và truyền cảm hứng cho các thành viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao và các hoạt động xã hội	3/5

Thang đo MIT: 1. Có trải nghiệm và gặp qua; 2. Có tham gia vào và đóng góp; 3. Có thể giải thích; 4. Có thể thực hành và tổ chức triển khai; 5. Có thể dẫn dắt đổi mới, sáng tạo, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO TIÊU CHUẨN

- Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (không kể các học phần GDQP&AN và GDTC)

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn: 4 năm

- Cấu trúc chương trình đào tạo:

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	5 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	46	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>130</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

### 4. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

### 5. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo sử dụng đa dạng phương thức đánh giá để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra (PLOs) tùy theo từng học phần, cụ thể như sau:

**Bảng 2. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
<b>I</b>	<b>Đánh giá quá trình (On-going Assessment)</b>																									
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)																							X		
2	Đánh giá bài tập cá nhân (Work Assignment)		X		X		X				X															
3	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)				X		X	X	X	X	X				X									X		X
4	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	X	X				X	X	X	X	X	X							X					X		X
5	Kiểm tra viết (Written Exam)	X	X	X	X							X	X				X			X						
<b>II</b>	<b>Đánh giá kết thúc học phần</b>																									
1	Thi viết (Written Exam)	X	X	X	X	X	X			X	X		X	X												
2	Thi trắc nghiệm (Multiple choice exam)	X	X	X	X		X									X										
3	Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)											X							X							
4	Thi thực hành (Project Attendance)																				X			X		
5	Báo cáo (Written Report)	X	X										X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



Các học phần của chương trình đào tạo được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

**a) Loại đạt**

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5

**b) Loại không đạt**

STT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0
2	Dưới 4,5	F	0,0

**6. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy theo lộ trình đào tạo (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 3. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Bảo hiểm)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP tiên quyết
<b>Tổng số tín chỉ</b>				<b>130</b>		
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>44</b>		
	<b>1.1. Các học phần chung</b>			<b>20</b>		
1	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	IV	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Bảo hiểm)		Mã HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP tiên quyết
5	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	V	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		
		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8-11		
<b>1.2. Các học phần của Trường</b>				<b>12</b>		
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
8	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
10	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
<b>1.3. Các học phần của ngành</b>				<b>12</b>		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and Business	TKKD1129	3	II	
12	2	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	II	
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	KHMI1101 KHMA1101
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				<b>86</b>		
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>15</b>		
15	1	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	V	NHLT1107 KTKE1101
16	2	Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121	3	III	NHLT1107
17	3	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114	3	IV	NHLT1107 KHMI1101 TOKT1101
18	4	Nguyên lý bảo hiểm Insurance Principles	BHKT1118	3	III	
19	5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistic	TOKT1145	3	IV	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>46</b>		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Bảo hiểm)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP tiên quyết
<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>				<b>31</b>		
20	1	Bảo hiểm thương mại 1 Business Insurance 1	BHKT1102	3	IV	
21	2	Bảo hiểm thương mại 2 Business Insurance 2	BHKT1105	3	V	BHKT1102
22	3	Bảo hiểm xã hội 1 Social Insurance 1	BHKT1119	3	IV	BHKT1117 BHKT1118
23	4	Bảo hiểm xã hội 2 Social Insurance 2	BHKT1132	3	V	BHKT1119
24	5	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1 Insurance Business Administration 1	BHKT1113	3	IV	BHKT1102
25	6	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2 Insurance Business Administration 2	BHKT1114	3	V	BHKT1113
26	7	Quản lý Bảo hiểm xã hội 1 Social Insurance Management 1	BHKT1120	3	IV	BHKT1119 BHKT1118
27	8	Quản lý Bảo hiểm xã hội 2 Social Insurance Management 2	BHKT1133	3	V	BHKT1120
28	9	Tiếng Anh ngành Bảo hiểm English for Insurance	BHKT1121	3	VI	
29	10	Đề án môn học - Bảo hiểm Essay on Insurance	BHKT1109	2	VI	
30	11	Kiến tập Internship	BHKT1165	2	VII	
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)				<b>15</b>		
31 32 33 34 35	1	Thống kê Bảo hiểm Insurance Statistics	TKKD1118	3	V	TKKD1101
	2	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1116	3	V	KHMI1101 QTTH1102
	3	An sinh xã hội Social Security	BHKT1117	3	II	
	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	
	5	Phân tích tài chính Financial Analysis	NHTC1108	3	VII	NHTC1104 NHLT1107
	6	Văn hóa doanh nghiệp Corporate Culture	QTVH1111	3	VII	
	7	Đầu tư trong bảo hiểm Investment in Insurance	BHKT1155	3	VI	BHKT1105 BHKT1113
	8	Bảo hiểm thất nghiệp Unemployment Insurance	BHKT1160	3	VI	BHKT1119
	9	Bảo hiểm y tế Healthcare Insurance	BHKT1137	3	VI	BHKT1132 BHKT1120

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Bảo hiểm)		Mã HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	10	Nhập môn định phí bảo hiểm Introduction to Actuarial	BHKT1166	3	VI	BHKT1102 BHKT1105
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)</b>			<b>15</b>		
	1	Tái bảo hiểm Reinsurance	BHKT1116	3	VII	BHKT1105
	2	Bảo hiểm hưu trí Pension Insurance	BHKT1159	3	VII	BHKT1102 BHKT1119
	3	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Laws in Insurance Business	LUKD1184	3	VI	LUCS1129
	4	Pháp luật an sinh xã hội Social security Law	LUKD1165	3	VI	LUCS1129
36	5	Phân tích kinh doanh bảo hiểm Insurance Business Analysis	BHKT1124	3	VII	BHKT1102 BHKT1113
37	6	Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Accounting for Insurance Enterprise	BHKT1122	3	VI	BHKT1102
38	7	Kế toán bảo hiểm xã hội Social Insurance Accounting	BHKT1136	3	VI	BHKT1132 BHKT1120
39	8	Giám định tổn thất và giải quyết bồi thường bảo hiểm Loss Adjusting and Claims Management	BHKT1164	3	VI	BHKT1105
40	9	Quản trị rủi ro trong bảo hiểm Risk Management in Insurance	BHKT1163	3	VI	BHKT1105
	10	Bảo hiểm tiền gửi Deposit Insurance	BHKT1161	3	VII	
	11	Đánh giá rủi ro bảo hiểm Insurance Risk Analysis	BHKT1162	3	VII	BHKT1105
41	<b>Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis</b>		BHKT1167	<b>10</b>	VIII	
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>130</b>		

## 7. PHÂN NHIỆM THỰC HIỆN CHUẨN ĐẦU RA (PLOs) CHO CÁC HỌC PHẦN

**Bảng 4. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)**

TT	Học phần	Mã HP	CDR về kiến thức																CDR về kỹ năng								CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm							
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24								
			1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	2.	2.	2.	2.	2.	2.	3.	3.	3.	3.	3.	3.	3.	3.							
1	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105																																
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism Leninism	LLNL1106																																
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LTT1101	2																															
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2																															
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2																															
6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC																																
7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC																																
8	Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP																																
9	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110			3																													
10	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129			2																													

TT	Học phần	Mã HP	CĐR về kiến thức																CĐR về kỹ năng								CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm							
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24								
			1	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.							
11	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics I	KHMI1101																																
12	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics I	KHMA1101																																
13	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and Business	TKKD1129																																
14	Quản lý học 1 Essentials of Management I	QLKT1101																																
15	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101																																
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107																																
17	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120																																
18	Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121																																
19	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114																																
20	Nguyên lý Bảo hiểm Insurance Principles	BHKT1118																																
21	Lý thuyết xác suất thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145																																
22	Bảo hiểm thương mại 1 Business Insurance I	BHKT1102																																

TT	Học phần	Mã HP	CĐR về kiến thức													CĐR về kỹ năng							CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm						
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			
			1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.	1.		
23	Bảo hiểm thương mại 2 Business Insurance 2	BHKT1105								3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
24	Bảo hiểm xã hội 1 Social Insurance 1	BHKT1119							3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
25	Bảo hiểm xã hội 2 Social Insurance 2	BHKT1132							3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
26	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1 Insurance Business Administration 1	BHKT1113									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
27	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2 Insurance Business Administration 2	BHKT1114									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
28	Quản lý Bảo hiểm xã hội 1 Social Insurance Management 1	BHKT1120									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
29	Quản lý Bảo hiểm xã hội 2 Social Insurance Management 2	BHKT1133									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
30	Tiếng Anh ngành Bảo hiểm English for Insurance	BHKT1121							3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
31	Đề án môn học - Bảo hiểm Essay on Insurance	BHKT1109						4	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
32	Kiến tập Internship	BHKT1165							3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
33	Thống kê Bảo hiểm Insurance Statistics	TKKD1118						4	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				

TT	Học phân	Mã HP	CĐR về kiến thức																CĐR về kỹ năng										CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm					
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24								
			1.	1.	1.	2.	3.	4.	1.	1.	5.	1.	3	4	3	(U)	3	3	2.	3.	3.	1.	3.	3.	1.	3.								
34	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business communication and Negotiation	TMKT11116																																
35	An sinh xã hội Social Security	BHKT11117							3																									
36	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102																																
37	Phân tích tài chính Financial Analysis	NHTC1108																																
38	Văn hóa doanh nghiệp Corporate Culture	QTVH1111																																
39	Đầu tư trong bảo hiểm Investment in Insurance	BHKT1155																																
40	Bảo hiểm thất nghiệp Unemployment Insurance	BHKT1160																																
41	Bảo hiểm y tế Healthcare Insurance	BHKT1137																																
42	Nhập môn định phí bảo hiểm Introduction to Actuarial	BHKT1166																																
43	Tái bảo hiểm Reinsurance	BHKT1116																																
44	Bảo hiểm hưu trí Pension Insurance	BHKT1159																																



TT	Học phần	Mã HP	CDR về kiến thức													CDR về kỹ năng							CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
44	Bảo hiểm hưu trí Pension Insurance	BHKT1159							4	3		3	(U)	4					3	3		3	2	3			
45	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Laws in Insurance Business	LUKD1184						4	4	3	3	3	(U)						3	3		2	3	3			
46	Pháp luật an sinh xã hội Social security Law	LUKD1165						4	4	3	3	3	(U)						3	3		2	3	3			
47	Phân tích kinh doanh bảo hiểm Insurance Business Analysis	BHKT1124						4	4	3	3	3	(U)	4(T U)	3	(U)				3	3		3	2	3		
48	Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Accounting for Insurance Enterprise	BHKT1122						4	4	3	3	3	(U)	4(T U)	3	(U)				3	3		3	3	3		
49	Kế toán bảo hiểm xã hội Social Insurance Accounting	BHKT1136						4	4	3	3	3	(U)	4(T U)	3	(U)				3	3		3	3	3		
50	Giám định tổn thất và giải quyết bồi thường bảo hiểm Insurance loss Adjusting and Claims Management	BHKT1164						4	4	3	3	3	(T U)	3	(U)	4(T U)	3			3	3		3	2	3		
51	Quản trị rủi ro trong bảo hiểm Risk Management in Insurance	BHKT1163						4	4	3	3	3	(T U)	4(T U)	3	(U)				3	3		3	2	3		
52	Bảo hiểm tiền gửi Deposit Insurance	BHKT1161						3	3			3	(U)	3	4	4	(U)			3	3		3	3	3		
53	Đánh giá rủi ro bảo hiểm Risk Analysis	BHKT1162						4	4	3	3	3	(T U)	4(T U)	3	(U)				3	3		3	2	3		
54	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	BHKT1167						4	4	4	4	4	(T U)	4(T U)	3	(U)	3	4	3	3	3	4	4	4	3		
55	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3																										

Thang đo MIT: 1. Có trải nghiệm và gặp qua; 2. Có tham gia vào và đóng góp; 3. Có thể giải thích; 4. Có thể thực hành và tổ chức triển khai; 5. Có thể dẫn dắt đổi mới, sáng tạo, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề

## 8. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

TT	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist - Leninist Philosophy	Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sinh viên. Học phần này gồm 6 chương: Trong đó, Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương, trong đó: Chương 1: Làm rõ

TT	Học phần	Mô tả học phần
		khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	<p>Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức và cũng là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.</p> <p>Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.</p>
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.
6	Ngoại ngữ Foreign Language	Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) được thiết kế với 3 học phần. Học phần Tiếng Anh 1 nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành ngôn ngữ một cách hiệu quả trong các tình huống trong lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp nơi công sở và trong

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời cũng chú trọng vào việc luyện phát âm tiếng Anh, và khả năng sử dụng bốn kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết theo trình độ tương ứng. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức, kinh nghiệm thực tế thông qua các tình huống kinh doanh có thực và thông tin hữu ích từ nhiều nguồn tài liệu đáng tin cậy. Song song với việc học trên lớp, sinh viên bắt buộc phải đăng ký học thêm online với thời lượng là 26 giờ. Mỗi sinh viên có một tài khoản online được tạo vào đầu khóa học. Tương ứng với các kỹ năng và nội dung bài giảng trên lớp, sinh viên phải hoàn thành cũng bao gồm đầy đủ các phần như: Nghe, Nói, Đọc, Viết, Ngữ Pháp, Từ vựng. Mỗi kỹ năng sẽ có từ 2 - 3 bài tập nhỏ.</p> <p>Học phần Tiếng Anh 2 dành cho các sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh 1. Khóa học nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành Tiếng Anh thông thường (General English) và Tiếng Anh học thuật (Academic English), giúp sinh viên tự tin khẳng định khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế và trong công việc, cải thiện mặt bằng trình độ tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>Học phần Tiếng Anh 3 tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên với những kiến thức về lý thuyết, thuật ngữ và nguyên lý kinh tế cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên học sâu hơn về kinh tế trong những giai đoạn tiếp theo tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Ngoài ra, trong học phần này sinh viên được cung cấp từ vựng về các chủ đề đa dạng và ngữ pháp để có thể chuẩn bị tốt cho bài thi theo định hướng IELTS và các bài thi có chứng chỉ quốc tế tương đương.</p>
7	Giáo dục thể chất Physical Education	<p>Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho sinh viên, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập.</p> <p>Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDTT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích.</p> <p>Bên cạnh đó, các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập.  Các môn thể thao tự chọn gồm 10 môn: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi môn học gồm 2 tín chỉ, sinh viên chọn và hoàn thành 3 trong số 10 môn thể thao tự chọn.</p>
8	<p>Giáo dục Quốc  phòng và An ninh  Military Education</p>	<p>Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ).</p> <p>Mục tiêu của chương trình đối với sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.</p>
9	<p>Toán cho các nhà  kinh tế  Mathematics for  Economics</p>	<p>Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các đối tượng kinh tế.</p> <p>Học phần gồm 6 chương: Chương 1, chương 2 đề cập đến giới hạn, phép tính vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 3, chương 4 trình bày các kiến thức cơ bản về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 5 trình bày về phép toán tích phân và ứng dụng; chương 6 trình bày các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.</p>
10	<p>Pháp luật Đại cương  Fundamentals of  Laws</p>	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của Nhà nước, kiểu và hình thức Nhà nước trong lịch sử, Nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của Nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy Nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.</p>
11	<p>Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1</p>	<p>Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung - cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...</p>
12	<p>Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1</p>	<p>Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế.</p>
13	<p>Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and Business</p>	<p>Thống kê trong kinh tế và kinh doanh là môn học có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp luận của thống kê học; cung cấp một cách có hệ thống: Các khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập. Tiếp đó, môn học cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Hệ thống các phương pháp đó bao gồm: phương pháp mô tả và phân tích các đặc điểm của hiện tượng; các phương pháp thống kê suy luận (như ước lượng, phân tích các mối liên hệ, phân tích biến động, và dự đoán thống kê...).</p>
14	<p>Quản lý học 1 Essentials of Management 1</p>	<p>Học phần Quản lý học là học phần bắt buộc đối với hầu hết các chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản lý, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ chức nào cũng phải có được. Học phần Quản lý học gồm những nội dung cơ bản sau: Tổng quan về quản lý giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản lý hệ thống xã hội; quá trình quản lý và nhà quản lý; phân tích môi trường quản lý; trách nhiệm xã hội của quản lý; quản lý trong môi trường toàn cầu hóa; quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản lý; nội dung cơ bản của quá trình quản lý bao gồm: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.
15	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	Học phần nguyên lý kế toán giới thiệu các nội dung cơ bản về kế toán cho các đối tượng chưa được đào tạo kế toán. Với kiến thức nền tảng ở môn học này người học mới có thể tiếp tục học hiệu quả các môn học kế toán, kinh tế và quản trị kinh doanh khác. Học phần nguyên lý kế toán nhằm trang bị những kiến thức kế toán nền tảng giúp người học hiểu được những vấn đề căn bản của kế toán bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán, người sử dụng thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán làm nền tảng cho thực hành kế toán, các phương pháp và trình tự kế toán cho từng đối tượng,... Các nội dung này được nhóm gộp theo các phân hệ kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, phân tích báo cáo tài chính và hệ thống thông tin kế toán.
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tài chính - tiền tệ, hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, lãi suất, các hoạt động trên thị trường tài chính, hoạt động của Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung ương và lạm phát.
17	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	Môn học nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về tài chính doanh nghiệp: Đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: Quản lý dòng tiền vào, ra, các luật liên quan tới quản lý tài chính trong các doanh nghiệp Nhà nước.
18	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Bank 1	Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về Ngân hàng thương mại như chức năng và các hoạt động của NHTM, nguồn vốn của ngân hàng, các phương thức huy động vốn, các hình thức cấp tín dụng như cho vay, cho thuê, ...
19	Quản trị rủi ro Risk Management	Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, quản trị rủi ro tài chính đang trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với nhiều tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội và

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>đặc biệt quan trọng đối với các định chế tài chính. Quản trị rủi ro tài chính hiệu quả giúp các định chế tài chính hoạt động ổn định và bền vững, đồng thời giúp các tổ chức này chủ động tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất tiềm năng trong quá trình hoạt động kinh doanh. Môn học này trình bày những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận diện rủi ro tài chính; phân loại và đo lường các loại rủi ro tài chính; giám sát và phòng ngừa rủi ro tài chính trong các định chế tài chính.</p>
20	Nguyên lý Bảo hiểm Insurance Principles	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên lý bảo hiểm một cách có hệ thống, như: nguồn gốc ra đời, khái niệm, bản chất của bảo hiểm; các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm; các chính sách và pháp luật về bảo hiểm; các loại hình và giao dịch kinh doanh bảo hiểm; công tác truyền thông và công nghệ thông tin trong bảo hiểm.</p>
21	Lý thuyết xác suất thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	<p>Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng trong phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định, sử dụng các phương pháp xác suất và thống kê. Học phần gồm hai nội dung chính: (1) các kiến thức nền tảng về xác suất, phân phối xác suất, (2) các phương pháp thống kê. Nội dung thứ hai tập trung giới thiệu một số ứng dụng trong kinh tế - kinh doanh, bao gồm dự báo và quản lý chất lượng. Học phần được giảng dạy theo định hướng ứng dụng, trong đó các tính toán phân tích đều được minh họa bằng ví dụ cụ thể, thực hiện trên Excel, R hoặc SPSS. Cuối mỗi chương có các tình huống thực tế trong các lĩnh vực kinh tế - quản lý - quản trị kinh doanh - ngân hàng tài chính.</p>
22	Bảo hiểm thương mại 1 Business Insurance 1	<p>Nội dung của học phần tập trung vào các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về bảo hiểm thương mại, bao gồm: Tổng quan về bảo hiểm thương mại, tập trung vào lịch sử ra đời và phát triển của bảo hiểm thương mại; khái niệm, bản chất và đặc điểm của bảo hiểm thương mại, phân loại bảo hiểm thương mại, các nguyên tắc của bảo hiểm thương mại; kiến thức về bảo hiểm nhân thọ liên quan đến: Rủi ro trong bảo hiểm nhân thọ, nguyên tắc bảo hiểm áp dụng trong bảo hiểm nhân thọ, các loại hình bảo hiểm nhân thọ, phí bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; kiến thức về bảo hiểm tiền, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm hỏa hoạn. Nội dung tập trung vào rủi ro, nội dung bảo hiểm, phí bảo hiểm, giá trị bảo hiểm và số tiền bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, các khâu trong qui trình kinh doanh như khai thác, giám định, bồi thường, đề phòng hạn chế rủi ro.</p>



TT	Học phần	Mô tả học phần
23	Bảo hiểm thương mại 2 Business Insurance 2	Nội dung của Học phần Bảo hiểm thương mại 2 tập trung vào các kiến thức chuyên ngành cơ bản và chuyên sâu về các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại: bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm sức khỏe. Cụ thể bao gồm các nội dung về lịch sử ra đời và phát triển; cơ sở pháp lý; đặc điểm và nội dung cơ bản của các nghiệp vụ bảo hiểm; qui trình triển khai sản phẩm, quản lý nghiệp vụ và thị trường bảo hiểm.
24	Bảo hiểm xã hội 1 Social Insurance 1	Học phần Bảo hiểm xã hội 1 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản, có hệ thống, chuyên sâu và hiện đại, cụ thể bao gồm: Tổng quan về BHXH, tập trung vào bản chất, vai trò của BHXH; các quan điểm cơ bản về BHXH; mối quan hệ và ý nghĩa của BHXH trong an sinh xã hội; nội dung hệ thống các chế độ BHXH dựa trên công ước 102 và các khuyến nghị đi kèm của ILO, điều kiện và quyền lợi hưởng các chế độ BHXH bắt buộc và tự nguyện ở Việt Nam; các vấn đề lý thuyết về tài chính BHXH và quỹ BHXH.
25	Bảo hiểm xã hội 2 Social Insurance 2	Học phần Bảo hiểm xã hội 2 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản, có hệ thống, chuyên sâu và hiện đại về: Nguyên tắc, cơ sở, phương pháp định phí BHXH; nội dung, vai trò và quy trình thanh tra, kiểm tra BHXH; quy trình hoạch định chính sách và quá trình tổ chức thực thi chính sách BHXH; các nội dung cơ bản về BHYT và BHTN
26	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1 Insurance Business Administration 1	Học phần Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm những kiến thức cơ bản, hiện đại và có hệ thống về lý thuyết quản lý kinh doanh nói chung và quản trị kinh doanh bảo hiểm nói riêng. Nội dung học phần này tập trung vào các vấn đề về thị trường bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý và môi giới bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm và khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm cả doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ.
27	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2 Insurance Business Administration 2	Học phần Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm những kiến thức cơ bản, hiện đại và có hệ thống về quản trị khách hàng, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính và hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm. Đặc biệt, học phần này giúp sinh viên biết cách trích lập các quỹ dự phòng trong doanh nghiệp bảo hiểm. Đồng thời hiểu và nắm vững các báo cáo tài chính, đó là cơ sở để phân tích hoạt động tài chính bảo hiểm và tổ chức hệ thống thông tin trong doanh nghiệp bảo hiểm.

TT	Học phần	Mô tả học phần
28	Quản lý Bảo hiểm xã hội 1 Social Insurance Management 1	Học phần Quản lý BHXH 1 là học phần bắt buộc của sinh viên chuyên ngành, nội dung của học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết nền tảng, hiện đại, có hệ thống, phù hợp với luật pháp Việt Nam về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực BHXH cũng như về quản lý hoạt động sự nghiệp BHXH. Trước hết, học phần giới thiệu một số nội dung cơ bản về cơ sở quản lý BHXH và hệ thống tổ chức BHXH. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu cung cấp các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ như quản lý đối tượng tham gia, đối tượng thụ hưởng và quản lý tài chính BHXH.
29	Quản lý Bảo hiểm xã hội 2 Social Insurance Management 2	Học phần Quản lý BHXH 2 là học phần bắt buộc của sinh viên chuyên ngành, cùng với học phần Quản lý BHXH 1, học phần này cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết nền tảng, hiện đại, có hệ thống, phù hợp với luật pháp Việt Nam về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực BHXH cũng như quản lý hoạt động sự nghiệp BHXH. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu liên quan đến những nội dung cơ bản về nghiệp vụ như: Quản lý chi BHXH; quản lý hoạt động đầu tư quỹ BHXH. Tiếp đó, học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về công cụ quản lý BHXH, thanh tra và kiểm tra hoạt động BHXH; quản lý Nhà nước về BHXH.
30	Tiếng Anh ngành Bảo hiểm English for Insurance	Học phần Tiếng Anh bảo hiểm là học phần bắt buộc, cung cấp cho sinh viên ngành Bảo hiểm những kiến thức cơ bản về bảo hiểm bằng Tiếng Anh bao gồm: các từ vựng chuyên ngành được sử dụng trong ngành bảo hiểm, các kiến thức chuyên môn trong tiếng Anh về ngành bảo hiểm, luật bảo hiểm thương mại và bảo hiểm xã hội, hợp đồng bảo hiểm, các hoạt động trong một doanh nghiệp bảo hiểm và một số sản phẩm chủ đạo trong bảo hiểm.
31	Đề án môn học Essay on Insurance	Đề án môn học là học phần tập trung vào việc nâng cao khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành cơ bản mà sinh viên sinh viên đã tích lũy được. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải chọn một vấn đề thuộc lĩnh vực bảo hiểm và tìm cách giải quyết vấn đề đó một cách khoa học dựa trên những kiến thức chuyên ngành đã được học theo hai hướng: nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn. Với hướng nghiên cứu, sinh viên lựa chọn một vấn đề nghiên cứu, thiết kế và thực hiện ứng dụng lý thuyết nghiên cứu về bảo hiểm và các môn học khác để thực hiện nghiên cứu. Với hướng thực tiễn, sinh viên chọn một vấn đề thực tiễn và giải quyết vấn đề đó dựa trên những kiến thức chuyên ngành đã được học. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu

TT	Học phần	Mô tả học phần
		và viết đề án chuyên ngành.
32	Thống kê Bảo hiểm Insurance Statistics	Thống kê bảo hiểm là một môn khoa học độc lập có đối tượng phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu riêng. Nhiệm vụ cụ thể của môn học là: Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê bảo hiểm và đề ra phương pháp luận tính toán các chỉ tiêu đó nhằm lượng hóa có hệ thống và chính xác mọi hoạt động diễn ra trong lĩnh vực bảo hiểm; hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê của ngành bảo hiểm phù hợp với từng hệ thống bảo hiểm và từng nghiệp vụ bảo hiểm. Từ đó, thu thập được nguồn thông tin cần thiết cho việc nghiên cứu và tính toán hệ thống chỉ tiêu thống kê, tổng hợp, phân tích và dự đoán các hiện tượng diễn ra trong lĩnh vực bảo hiểm; đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quy mô khai thác nghiệp vụ bảo hiểm và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức bảo hiểm, góp phần ổn định sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội.
33	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	Học phần Giao dịch và đàm phán kinh doanh bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về giao dịch kinh doanh; về yếu tố tâm lý, văn hóa trong giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đồng thời, học phần cũng trang bị kiến thức về kỹ năng đàm phán kinh doanh thành công; về nội dung tổ chức đàm phán kinh doanh từ hoạt động chuẩn bị đàm phán, tiến hành đàm phán và ra quyết định kết thúc đàm phán; về cơ sở pháp lý của giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đây là những kiến thức cơ bản giúp cho các doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh của mình.
34	An sinh xã hội Social Security	Môn học an sinh xã hội trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hiện đại về các chính sách, chương trình đảm bảo an sinh xã hội, như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại, trợ giúp xã hội, xóa đói giảm nghèo, các biện pháp hỗ trợ an sinh xã hội. Đồng thời, môn học còn làm rõ sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về an sinh xã hội; vai trò của Nhà nước, của các tổ chức kinh tế xã hội và các cá nhân đối với vấn đề an sinh xã hội của quốc gia.
35	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	Quản trị kinh doanh 1 tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ sở về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đó là những kiến thức chung nhất làm cơ sở để sinh viên có thể nghiên cứu sâu các kỹ năng cụ thể ở các học phần khác. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu là kinh doanh và quản trị kinh doanh: - Các vấn đề chung về kinh doanh: đối tượng thực hiện hoạt động

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>kinh doanh, các vấn đề gắn với kinh doanh, môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>- Các kiến thức quản trị kinh doanh cơ sở như khái niệm, thực chất, nguyên tắc, phương pháp quản trị; kỹ năng, nghệ thuật và phong cách của các nhà quản trị; khái niệm, cách thức, phương pháp ra quyết định và các vấn đề về cấu trúc tổ chức doanh nghiệp.</p> <p>Học phần Quản trị kinh doanh 1 được coi là cầu nối giữa các kiến thức lý thuyết (sinh viên đã được trang bị ở các học phần khoa học cơ bản như toán học, kinh tế học...) với các học phần khoa học trang bị các kỹ năng cụ thể cho sinh viên như khởi sự kinh doanh, chiến lược kinh doanh, quản trị tác nghiệp, quản trị nhân lực, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính, quản trị chi phí kinh doanh.</p>
36	Phân tích tài chính Financial Analysis	<p>Từ việc nắm được mục đích phân tích tài chính doanh nghiệp tương ứng với các chủ thể khác nhau và quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp, người học phải thực hiện được quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp của một doanh nghiệp cụ thể bắt đầu từ việc thu thập số liệu xử lý số liệu cũng như việc vận dụng các phương pháp thích hợp để phân tích đánh giá được tình hình phân tích của doanh nghiệp trên các khía cạnh cơ bản: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Trên cơ sở đó người học có thể đưa ra các quyết định tài chính và dự báo tài chính tương ứng với thực trạng tài chính ở trên.</p>
37	Văn hóa doanh nghiệp Corporate Culture	<p>Học phần Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị các kỹ năng cần thiết để nhận diện văn hóa doanh nghiệp trong các tổ chức, để phân tích những tình huống gây trở ngại về văn hóa doanh nghiệp và đề nghị cách giải quyết hợp lý tích cực, để điều chỉnh thái độ và cách ứng xử trong các tình huống của văn hóa doanh nghiệp, từ đó xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp thành công. Thông qua lý thuyết kết hợp thảo luận và thực hành các tình huống văn hóa doanh nghiệp, sinh viên làm quen với việc nhận diện văn hóa doanh nghiệp và biết cách xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa của một tổ chức/doanh nghiệp mà mình tham gia.</p>
38	Đầu tư trong bảo hiểm Investment in	<p>Học phần Đầu tư trong doanh nghiệp bảo hiểm là một môn học chuyên ngành, cung cấp kiến thức về hoạt động đầu tư gắn liền với đặc thù của các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH). Trên cơ sở khái</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
	Insurance	quát về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, học phần này nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về hoạt động đầu tư trong DNBH: Nguyên tắc và đặc điểm của hoạt động đầu tư trong DNBH, các quy định pháp lý đối với hoạt động đầu tư trong DNBH, nguồn vốn đầu tư và các hình thức đầu tư trong DNBH, xây dựng chiến lược đầu tư, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu kinh nghiệm về quản lý Nhà nước với hoạt động đầu tư trong DNBH của một số quốc gia trên thế giới.
39	Bảo hiểm thất nghiệp Unemployment Insurance	Học phần Bảo hiểm thất nghiệp cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản chuyên sâu, hiện đại và có hệ thống về thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp; về tài chính bảo hiểm thất nghiệp, khung pháp lý, tổ chức quản lý bảo hiểm thất nghiệp. Giúp sinh viên biết được thực trạng bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách liên quan đến người lao động bị thất nghiệp ở Việt Nam.
40	Bảo hiểm y tế Healthcare Insurance	Học phần Bảo hiểm y tế là cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức lý thuyết nền tảng, hiện đại, có hệ thống về chăm sóc sức khỏe, nguyên lý và cách thức tổ chức hoạt động của bảo hiểm y tế xã hội và bảo hiểm y tế thương mại. Trên cơ sở đó, người học hiểu và đánh giá được hoạt động bảo hiểm y tế xã hội và bảo hiểm y tế thương mại ở một số nước trên thế giới bao gồm cả các nước kinh tế phát triển và đang phát triển. Ngoài ra, nội dung của học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến đánh giá hoạt động bảo hiểm y tế xã hội và bảo hiểm y tế thương mại ở Việt Nam.
41	Nhập môn định phí bảo hiểm Introduction to Actuarial	Học phần này cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản, tổng quan về định phí bảo hiểm, các cơ sở và cách thức tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ cũng như tính toán dự phòng phí của một doanh nghiệp bảo hiểm.
42	Tái bảo hiểm Reinsurance	Học phần Tái bảo hiểm tập trung vào các nội dung cơ bản của tái bảo hiểm, bao gồm: Hợp đồng bảo hiểm, các phương pháp tái bảo hiểm, kỹ thuật tái bảo hiểm. Ngoài ra, môn học còn tập trung vào các vấn đề có liên quan đến hoạt động tái bảo hiểm như: Hoa hồng tái bảo hiểm, khuôn khổ pháp lý trong tái bảo hiểm và thị trường tái bảo hiểm. Ngoài ra, nội dung của học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu xếp và quản lý chương trình tái bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm.
43	Bảo hiểm hưu trí	Học phần này cung cấp những kiến thức lý thuyết chuyên sâu, hiện đại,

TT	Học phần	Mô tả học phần
	Pension Insurance	có hệ thống về bảo hiểm hưu trí bao gồm: Hệ thống lương hưu xã hội dựa trên xác minh thu nhập, chế độ hưu trí cơ bản (gồm chế độ hưu trí trong BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện), bảo hiểm hưu trí bổ sung. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tế về dòng sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện do các DNBH cung cấp.
44	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Laws in Insurance Business	Học phần Pháp luật kinh doanh bảo hiểm tập trung vào các vấn đề: Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh bảo hiểm nói riêng; quy chế pháp lý chung về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, chế độ pháp lý đối với các chủ thể trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; pháp luật về hợp đồng dân sự và hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, pháp luật về các loại hình kinh doanh bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
45	Pháp luật an sinh xã hội Social security Law	Môn học pháp luật an sinh xã hội cung cấp kiến thức lý luận về luật an sinh xã hội. Các vấn đề cơ bản về khái niệm an sinh xã hội, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và nguyên tắc của Luật an sinh xã hội Việt Nam. Khái quát về lịch sử hình thành và định hướng phát triển của pháp luật an sinh xã hội Việt Nam. Trên cơ sở lý luận, Môn học còn giới thiệu về hệ thống quy định pháp luật an sinh xã hội Việt Nam hiện nay bao gồm các chế định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội. Nội dung môn học cũng bao gồm các quy định về quản lý Nhà nước đối với sự nghiệp an sinh xã hội, việc tổ chức thực hiện pháp luật an sinh xã hội của các cơ quan nhà nước bao gồm cả giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Môn học phân tích, làm rõ các vấn đề pháp lý về an sinh xã hội ở Việt Nam thông qua việc giải quyết các tình huống cụ thể để sinh viên có đầy đủ kiến thức lý luận và thực tiễn về pháp luật an sinh xã hội.
46	Phân tích kinh doanh bảo hiểm Insurance Business Analysis	Học phần Phân tích kinh doanh bảo hiểm là học phần tự chọn của chuyên ngành Bảo hiểm. Học phần này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản và chuyên sâu, hiện đại và có hệ thống về các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bảo hiểm; những nội dung cơ bản cần phân tích, trình tự phân tích và tài liệu phân tích. Sinh viên sẽ được giới thiệu chi tiết về công tác phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm: phân tích kinh doanh bảo hiểm gốc, phân tích kinh doanh tái bảo hiểm, phân tích tài chính, phân tích hoạt động đầu tư và các hoạt động khác, phân tích kết quả và hiệu quả kinh doanh của DNBH.

TT	Học phần	Mô tả học phần
47	Kiến tập	Kiến tập là học phần thực tế, giúp sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm theo dõi, quan sát cách tác nghiệp thực tế, đúc kết kinh nghiệm thực tế về nghiệp vụ cho bản thân. Học phần này giúp sinh viên mang những kiến thức mà giáo viên cung cấp trên lớp đến gần hơn với thực tế, từ đó tiếp thêm niềm đam mê, tình yêu công việc từ thực tế. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình kiến tập của sinh viên.
48	Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm Accounting for Insurance Enterprise	Học phần Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm là học phần tự chọn, cung cấp cho sinh viên ngành Bảo hiểm những kiến thức cơ bản về công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp bảo hiểm. Trước hết, học phần giới thiệu một số nội dung cơ bản về công tác kế toán trong DNBH như đặc điểm của hạch toán kế toán trong DNBH, mô hình tổ chức, hình thức kế toán và hệ thống tài khoản kế toán của DNBH. Từ đó, sinh viên sẽ được giới thiệu chi tiết về công tác hạch toán kế toán của DNBH bao gồm: hạch toán kế toán tài sản ngắn hạn, hạch toán kế toán tài sản dài hạn, hạch toán kế toán nguồn vốn của DNBH, hạch toán kế toán doanh thu và chi phí của DNBH và xác định kết quả kinh doanh của DNBH.
49	Kế toán bảo hiểm xã hội Social Insurance Accounting	Học phần kế toán bảo hiểm xã hội là học phần tự chọn, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác hạch toán kế toán trong các đơn vị BHXH. Trong phần đầu, học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về kế toán, đặc điểm kế toán BHXH, tổ chức công tác kế toán trong cơ quan BHXH. Trong các phần tiếp theo, học phần sẽ đi sâu mô tả công tác hạch toán kế toán các khoản tiền, hàng tồn kho, TSCĐ, các khoản phải trả, phải nộp, nguồn vốn, quỹ, doanh thu, chi phí xác định kết quả. Phần thứ ba sẽ giới thiệu công tác kế toán hoạt động quỹ (hoạt động thu, hoạt động chi, hoạt động đầu tư quỹ) và lập báo cáo tài chính.
50	Giám định và giải quyết bồi thường bảo hiểm Insurance Loss Adjusting and Claims Management	Học phần Giám định tổn thất và Giải quyết bồi thường bảo hiểm là học phần tự chọn, cung cấp cho sinh viên ngành Bảo hiểm những kiến thức tổng quan về công tác giám định tổn thất và công tác giải quyết bồi thường trong doanh nghiệp bảo hiểm. Đầu tiên, học phần sẽ giới thiệu cho người học các kiến thức chung liên quan đến công tác giám định tổn thất và giải quyết bồi thường như: vai trò của công tác giám định và bồi thường, yêu cầu đối với công tác giám định và bồi thường và quy trình giám định, quy trình bồi thường chung của DNBH. Tiếp đó, sinh viên sẽ được giới thiệu chi tiết về một số nội dung công việc chính trong quy trình giám định, bồi thường và các

TT	Học phần	Mô tả học phần
		vấn đề liên quan đến công tác giám định tổn thất và bồi thường bảo hiểm bao gồm: phân tích hợp đồng bảo hiểm, đánh giá và phân tích yêu cầu bồi thường, điều tra và thu thập thông tin, lập báo cáo giám định, giải quyết yêu cầu bồi thường, quản lý các khiếu nại, các vấn đề pháp lý liên quan đến công tác giám định bồi thường, trực lợi bảo hiểm và các vấn đề cần lưu ý trong giám định tổn thất và giải quyết bồi thường bảo hiểm.
51	Quản trị rủi ro trong bảo hiểm Risk Management in Insurance	Học phần này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm những kiến thức cơ bản về rủi ro, các phương pháp nhận dạng rủi ro, xác định tổn thất tiềm năng, các biện pháp xử lý rủi ro liên quan đến kiểm soát và tài trợ rủi ro; ứng dụng quản trị rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm.
52	Bảo hiểm tiền gửi Deposit Insurance	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hiểm tiền gửi. Sau khi giới thiệu về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam, môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tham khảo về các mô hình bảo hiểm tiền gửi trên thế giới và vấn đề xác định hạn mức bảo hiểm tiền gửi. Cụ thể, học phần này gồm 3 chương, trong đó: Chương 1 giới thiệu về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam; Chương 2 giới thiệu về mô hình bảo hiểm tiền gửi tại một số nước trên thế giới; Chương 3 xác định hạn mức trách nhiệm trong bảo hiểm tiền gửi.
53	Đánh giá rủi ro bảo hiểm Insurance Risk Analysis	Học phần Đánh giá rủi ro bảo hiểm là học phần tự chọn, cung cấp cho sinh viên ngành Bảo hiểm những kiến thức tổng quan về công tác đánh giá rủi ro trong doanh nghiệp bảo hiểm. Đầu tiên, học phần sẽ giới thiệu cho người học các kiến thức chung liên quan đến công tác đánh giá rủi ro như: khái niệm và vai trò của công tác đánh giá rủi ro bảo hiểm, yêu cầu đối với công tác đánh giá rủi ro bảo hiểm và quy trình khai thác chung của DNBH. Tiếp đó, sinh viên sẽ được giới thiệu chi tiết về nội dung công việc đánh giá rủi ro bao gồm: rủi ro và phân loại rủi ro, nhận diện và đánh giá rủi ro, các công cụ xử lý rủi ro, xây dựng chương trình bảo hiểm, chương trình quản trị rủi ro, đánh giá và giám sát quản trị rủi ro. Học phần sẽ giới thiệu chi tiết về công tác đánh giá rủi ro trong một số nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu.
54	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> Granduation Thesis	Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên đến thực tập tại



TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian ít nhất 12 tuần. Sinh viên cần chọn một vấn đề liên quan tới thực tiễn về bảo hiểm; nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng vấn đề và các yếu tố ảnh hưởng đến các giải pháp giải quyết vấn đề, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Trong suốt quá trình thực tập, sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập.</p>
55	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3	<p>Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ thì việc biết sử dụng máy tính và Internet là một trong những nhu cầu thiết yếu của mỗi người. Đặc biệt, khi cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang bao phủ toàn thế giới thì nhu cầu đó đã trở thành một yêu cầu cho mỗi người. Để đánh giá khả năng sử dụng máy tính và Internet, IC3 là một trong những tiêu chuẩn đã được ra đời để thực hiện điều đó. Với vị thế là một chứng chỉ mang tầm quốc tế, IC3 cung cấp những tiêu chuẩn đánh giá chính xác, phù hợp với trình độ phát triển của máy tính và Internet.</p> <p>Sinh viên đại học hệ chính quy được công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân khi đạt Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) do tổ chức Certiport của Mỹ cấp. Để được cấp chứng chỉ IC3, thí sinh phải thi đạt cả 3 nội dung: Máy tính căn bản, Phần mềm máy tính và cuộc sống trực tuyến. Nhà trường có tổ chức các khóa học và cấp chứng chỉ cho sinh viên làm điều kiện để ra trường. Nhà trường có Quyết định số 632/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 4/5/2018 về việc ban hành quy định về chuẩn đầu ra tin học trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân áp dụng từ khóa 59 (tuyển sinh năm 2017) trở đi.</p>

## 9. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 9.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch đào tạo thiết kế theo tiêu chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn theo quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành theo Quyết định số 1155/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021.

Người học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1 (học kỳ đầu tiên), các học kỳ tiếp theo sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, người học có thể đăng ký các học phần trước hoặc

sau, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nhưng phải tuân thủ điều kiện tiên quyết để đảm bảo lộ trình tiếp thu kiến thức tối ưu.

## **9.2. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng (theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT)**

i. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

ii. Sinh viên có quyết định công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định.

## **10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

- Thời gian áp dụng: Áp dụng cho khoá đào tạo tuyển sinh từ năm 2021.

- Nội dung cần đạt, phương pháp giảng dạy, phân bố thời lượng (giảng dạy, thảo luận/thực hành/tự học) và đánh giá của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

**11. THỜI ĐIỂM BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:** Tháng 7 năm 2021

**TRƯỞNG KHOA BẢO HIỂM**



**TS. Nguyễn Thị Chính**

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**